VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

PHẠM VĂN HẢO
(Chủ biên)

# TỪ ĐIỂN PHƯƠNG NGỮ TIẾNG VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
**VIỆN NGÔN NGỮ HỌC**

**PHẠM VĂN HẢO (Chủ biên)**
**LÊ VĂN TRƯỜNG - NGUYỄN TÀI THÁI**
**TRẦN THỊ LIÊN MINH - VÕ XUÂN QUẾ**

# TỪ ĐIỂN PHƯƠNG NGỮ TIẾNG VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI – 2009

# LỜI TÁC GIẢ

1. *Phương ngữ học* (dialectology) là một bộ môn nghiên cứu của ngôn ngữ học, ra đời từ khá sớm, lấy các biến thể khu vực của ngôn ngữ làm đối tượng nghiên cứu. Thuật ngữ này, do vậy thường gắn với ngôn ngữ học địa lí (geographical linguistics), bởi chúng ta thường nói tới "*phương ngữ khu vực*" (regional dialect) hay "*phương ngữ lãnh thổ*" (territorial dialect). Trên thực tế, từ *phương ngữ* còn dùng để chỉ "*phương ngữ xã hội*" (social dialect hay sociolinguistic dialect). Riêng trong tiếng Nga, từ này còn dùng để gọi một lĩnh vực khác có tên (chuyển tự) là "profesional'nyj dialect", ta dịch là "*phương ngữ nghề nghiệp*". Ở tiếng Việt, khi nói đến phương ngữ học, người ta chỉ nghĩ đến ý nghĩa đầu tiên là phương ngữ lãnh thổ hoặc phương ngữ khu vực mà thôi.

Trong phương ngữ học, có hai thuật ngữ cơ bản để chỉ ra sự đa dạng của ngôn ngữ trên lãnh thổ, trước hết là với mức độ *rộng, hẹp tương đối* khác nhau, đó là *phương ngữ* (dialect) và *thổ ngữ* (patois hoặc subdialect). Nếu như *thổ ngữ* để chỉ biến thể ngôn ngữ trong một giới hạn lãnh thổ hẹp như làng, xã, huyện,... thì *phương ngữ* bao quát một vùng, miền rộng lớn hơn. Đó là những cách hiểu thông thường có tính chất truyền thống, điều mà ta có thể dễ dàng tìm thấy trong bất kì một tài liệu nào như giáo trình, chuyên luận, luận văn hoặc các từ điển,... Tuy nhiên, khi sử dụng lâu rồi thành quen, người ta cũng không chú ý đến một sự vi phạm logic khác, đó là cách diễn đạt kiểu *phương ngữ Sơn Tây* thuộc/nằm trong *phương ngữ Bắc (Bắc Bộ)*, *phương ngữ Nghệ Tĩnh* thuộc/nằm trong *phương ngữ Trung Bắc (Bắc Trung Bộ)*. Cái lối nói trực chỉ "phương ngữ nằm trong phương ngữ" là cách diễn đạt tương đối, thường gặp có lẽ nên được thay bằng cách nói "tiểu phương ngữ/thứ phương ngữ" nghe có vẻ hợp lí hơn, nhưng hầu như chuyện này ở ta chưa một lần được thảo luận cẩn thận. Trong tiếng Việt còn có một số từ khác cũng chỉ khái niệm *phương ngữ* hay *thổ ngữ*, nhưng tính thuật ngữ có

vẻ kém hơn, như các từ *tiếng, tiếng địa phương, giọng, thổ âm, phương ngôn* (từ *thổ âm* thường dùng như *thổ ngữ,* nhưng chỉ nghiêng về cách phát âm địa phương, từ *phương ngôn* được dùng như tiếng Hán ở Trung Quốc, tương đương với *phương ngữ* trong tiếng Việt, các từ còn lại dùng không phân biệt cấp độ).

**2**. Các nhà nghiên cứu phương ngữ học tiếng Việt lâu nay đều khẳng định rằng tiếng Việt ở các vùng được phát triển theo hướng thống nhất trong sự đa dạng, trong đó xu hướng thống nhất là cơ bản. Xu hướng này bảo đảm sự giao tiếp từ Bắc tới Nam, từ miền biển đến các vùng núi xa xôi, từ xưa tới nay... diễn ra một cách khá dễ dàng. Sự thống nhất của tiếng Việt bảo đảm cho công tác giáo dục của chúng ta thống nhất trong toàn quốc đạt được những thành tựu rực rỡ, kể từ Cách mạng Tháng Tám tới nay. Sự thống nhất này càng tỏ ra thuận chiều khi chúng ta tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, bước vào hội nhập với thế giới ngày càng sâu rộng. Xu hướng đa dạng hoá theo cách riêng của phương ngữ, ngược với quá trình thống nhất của tiếng Việt, tạm gọi là xu hướng phân li, ngày càng tỏ ra hoạt động yếu ớt hơn nhiều, nhất là trong xã hội thông tin như hiện nay. Các phương ngữ ở các ngôn ngữ trên thế giới suy cho cùng đều phát triển trong mối tương quan mâu thuẫn như vậy. Chính cơ sở xã hội trong lịch sử đã tạo điều kiện cho phương ngữ hình thành và phát triển, rồi cũng chính nó làm cho tình trạng phương ngữ mờ nhạt dần trong một "thế giới phẳng" trong hiện tại và tương lai. Phương ngữ trong tiếng Việt cũng không là ngoại lệ.

Trong mấy chục năm gần đây, việc nghiên cứu, miêu tả phương ngữ tếng Việt đã đạt được nhiều thành tựu. Về mặt lí luận, tuy không có sự sôi động và phát triển mạnh mẽ như các lĩnh vực khác của ngôn ngữ học, nhưng các nhà nghiên cứu đã tiếp cận và ứng dụng các vấn đề lí thuyết của phương ngữ học, ngôn ngữ học địa lí Âu - Mĩ vào công tác nghiên cứu của mình. Tư liệu thực tế về các phương ngữ, thổ ngữ cũng dần được thu thập, xử lí, miêu tả trong các công trình đã công bố như các chuyên khảo, giáo trình, bài viết, luận án, luận văn, khoá luận, lẫn các công trình chưa có điều kiện công bố như các đề tài điều tra các cấp: cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp viện, cấp trường. Những mảng tư liệu này tuy không nằm trong một chương trình khảo sát

chung trên quy mô toàn quốc, nhưng cũng đã khá phong phú, cho phép hình dung bộ mặt chung nhất của các phương ngữ tiếng Việt trải ra trên các vùng, miền khác nhau. Theo đó, có thể hình dung tiếng Việt gồm ba phương ngữ chính là: *phương ngữ Bắc* (gồm Bắc Bộ và Thanh Hoá); *phương ngữ Trung* (từ Nghệ An đến Bình Thuận), được chia làm hai vùng là: *Trung Bắc* (từ Nghệ An đến hết Thừa Thiên) và *Trung Nam* (từ Đà Nẵng đến hết Bình Thuận); *phương ngữ Nam* (vùng Nam Bộ). Cách phân chia này, cũng như nhiều cách phân chia khác, chỉ mang tính tương đối mà thôi.

**3**. Bất cứ quyển từ điển phương ngữ nào cũng lấy việc thu thập, xử lí, hệ thống hoá các biến thể từ ngữ ở các địa phương làm đối tượng phản ánh, giúp người đọc tra cứu các thông tin về ngữ nghĩa và cách dùng các đơn vị hữu quan. Đối với người đọc, họ chỉ quan tâm đến những gì họ thấy cần. Người tra cứu từ điển càng đa dạng thì những yêu cầu này càng lớn. Gánh nặng đổ lên vai các tác giả. Có thể nói công việc biên soạn từ điển phương ngữ là công việc tỉ mỉ, khó khăn, nếu thoát li tư liệu thực tế họ thật khó làm việc. Mặc dầu vậy chúng tôi vẫn cố gắng hoàn thiện quyển từ điển phương ngữ này nhằm phục vụ bạn đọc rộng rãi trong cả nước, nhưng đối tượng chủ yếu vẫn là những người làm công tác văn hoá, giáo dục, học sinh, sinh viên.

**3.1.** *Bảng từ* của từ điển tập hợp khoảng 14.000 đơn vị từ ngữ, dựa trên các nguồn tư liệu chính sau:

- Chọn lựa từ hơn 3,5 triệu phiếu ngữ cảnh của kho phiếu lưu trữ tại Phòng Từ điển học, Viện Ngôn ngữ học (nay thuộc Phòng Từ điển ngữ văn, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam).
- Chọn lọc, tham khảo từ những tài liệu đã công bố là các ấn phẩm: từ điển, chuyên luận, tập ngữ vựng, các bài viết về tiếng địa phương, luận án, luận văn, khoá luận...
- Các tập ghi chép điền dã từ nhiều năm của Viện Ngôn ngữ học, đặc biệt là phương ngữ Bắc Bộ.
- Những ghi chép cá nhân của những tác giả tham gia biên soạn từ điển.
- Tham khảo các thông tin về từ ngữ ở trên mạng.

Như vậy, tư liệu để chúng tôi thành lập bảng từ gồm cả ngôn ngữ viết (văn bản) lẫn ngôn ngữ nói sinh động hàng ngày của quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, do việc nghiên cứu phương ngữ ở ta chưa có một kế hoạch theo một chương trình thống nhất như nói trên, nên tư liệu nghiên cứu điền dã thu được không đồng đều giữa các vùng, chưa rải đều ra các phương ngữ khác nhau. Do đó, có thể coi quyển từ điển này chỉ mới là sự cố gắng tập hợp từ vựng các phương ngữ bước đầu của chúng tôi. Trong tương lai gần, từ địa phương của các phương ngữ Nam, Trung Nam cần được bổ sung kĩ hơn.

Khi thành lập bảng từ như vậy (ta vẫn gọi là tạo lập cấu trúc vĩ mô của từ điển (*macrostructure*)), có nhiều công việc cần giải quyết mang tính chất hệ thống.

Công việc đầu tiên là chọn lọc các *từ ngữ địa phương* để đưa vào bảng từ. "*Từ ngữ*" sẽ bao gồm các đơn vị có thể là "*từ*" hoặc "*ngữ*" (ngữ là tổ hợp cố định, có thể là thành ngữ, quán ngữ), còn "*địa phương*" là chúng được sử dụng ở các phương ngữ, thổ ngữ khác nhau. Tuy nhiên "từ ngữ địa phương" là một thuật ngữ ngôn ngữ học ít khi được hiểu thống nhất. Theo quan điểm của chúng tôi *từ ngữ địa phương phải là các đơn vị biến thể của ngôn ngữ chung được sử dụng ở các tiếng địa phương, nói trong mối quan hệ với các đơn vị hữu quan trong các phương ngữ khác hoặc ngôn ngữ toàn dân.* "Các đơn vị biến thể" cũng được hiểu có thể là biến thể về hình thức, như vỏ ngữ âm của từ hoặc chữ viết, có thể là biến thể về nội dung như ý nghĩa sử dụng có chỗ khác biệt so với ngôn ngữ chung.

Theo cách hiểu như vậy, chúng tôi xin nêu rõ một vài trường hợp đáng lưu ý như sau:

- Có một số đơn vị tuy được dùng ở địa phương, nhưng về lí thuyết, không phải là các từ địa phương, như: *nhút*, *chẻo*, *lòn bon*, *nóp*,... Chúng tôi thấy rằng nếu loại các từ đặc biệt này ra khỏi bảng từ thì rất tiếc, bởi chúng mang các thông tin thú vị riêng mà bất kì ai cũng dễ tò mò cần biết rõ, nên vì quyền lợi của người đọc, chúng tôi cố ý đưa chúng vào bảng từ.

- Các từ biến âm được thể hiện khá phong phú trong các phương ngữ. Trên thực tế, không quyển từ điển nào có thể phản ánh hết những biến thể ngữ âm có tính chất hệ thống (thường không được phản ánh trên chính tả văn bản tiếng Việt, như cách nói lẫn lộn l/n trong phương ngữ Bắc, cách nói *ăn/ăng*, *mặt/mặc* ở phương ngữ Nam). Do đó, những người làm từ điển chủ trương chỉ thu thập những biến thể có tính chất điển hình cho phương ngữ,

thường được ghi chép bằng chữ viết, có người đã gọi là biến thể ngữ âm - từ vựng: *bệnh/bịnh*, *chính/chánh*, *tính/tánh*, *kênh/kinh*, v.v.

- Các từ có sự biến nghĩa so với tiếng Việt chung, bất kể phương ngữ sử dụng nghĩa gốc hay nghĩa biến đổi ít nhiều, đều được chú ý thu thập: *dì* (dùng để xưng gọi ở phương ngữ Nam), *bôi mặt* (hoá trang, trang điểm)...

- Khi gặp các kết hợp từ có yếu tố địa phương, chúng tôi không thu thập các đơn vị mà khi tách các yếu tố rời khỏi kết hợp vẫn có thể hiểu được, ví dụ: *bông hường* sẽ không được chọn đưa vào bảng từ vì *bông* (hiểu dễ dàng là *hoa*) *hường* (hiểu dễ dàng là *hồng*). Ngược lại, cũng là tên loài hoa, nhưng *bông trang* được thu thập, vì khi tách các yếu tố *bông* và *trang* ra khỏi nhau sẽ không hiểu được.

- Có thể nói cách nói mang tính khẩu ngữ luôn là đặc trưng của các phương ngữ tiếng Việt. Tuy nhiên trong từ điển, các đơn vị là tiếng lóng, đặc ngữ, uyển ngữ không được khuyến khích thu thập.

**3.2.** Việc *ghi chú* trong từ điển được giải quyết như sau:

- Chú vùng phương ngữ, thổ ngữ. Từ điển chú ba vùng phương ngữ chính là: B. (Bắc), T. (Trung), N. (Nam), cũng với nghĩa là Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Riêng đối với phương ngữ Trung, mặc dù có thể chia làm hai phương ngữ nhỏ hơn như nói trên, nhưng quả thật, việc xác định ranh giới sử dụng cho các từ thật khó khăn, nhất là phương ngữ Trung Nam và Nam. Do đó, chúng ta cần chờ có tư liệu mới để có thể bổ sung sau. Nhìn chung, phương ngữ Trung Nam gần với phương ngữ Nam hơn là phương ngữ Trung Bắc, cả về phương diện ngữ âm lẫn phương diện từ vựng.

Ngoài ra, do tư liệu cho phép chú kĩ hơn về khu vực sử dụng các từ ngữ vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, chúng tôi mạnh dạn chú tên tỉnh ở những từ thấy là có phạm vi sử dụng tương đối hẹp, có thể ước định được khu vực mà từ được sử dụng, một cách tương đối.

Ví dụ:

- **bá**$_1$ *(B.) d.* 1. (*HPhòng*) Bố (có thể dùng để xưng gọi). 2. Bác gái (chị của mẹ; có thể dùng để xưng gọi). *"Mẹ La và bác Vi gái vẫn nhận nhau là chị em. Mẹ La gọi mẹ Vi bằng bá; mẹ Vi em gọi mẹ La là dì."* (Nguyên Hồng, TKĐTối, 247).

- **bầm** *(HTây, PThọ) d.* Mẹ (có thể dùng để xưng gọi). *"Con đi đánh*

*giặc mười năm, Không bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.*" (Tố Hữu, BƠi).

"*Đang nấu cơm, Lương nghe Thục nói nặng ngoài ngõ: Bầm đã bảo con chơi cho sạch sẽ tử tế mà sao quần áo thế này.*" (VHVPhú, 1/1969, 25).

Cách chú như vậy theo chúng tôi chỉ có tính tương đối và có phần mạo hiểm vì dễ sai (không thật chính xác) hoặc bị coi là vi phạm tính hệ thống, khi mà từ điển không có điều kiện chú kĩ như thế cho các từ ở tất cả các phương ngữ. Nhưng cũng vì quyền lợi của người tra cứu, chúng tôi vẫn cố gắng làm.

**3.3.** *Việc định nghĩa* trong từ điển được thực hiện theo nhiều mô hình song song. *Mô hình đầu tiên* là định nghĩa bằng từ toàn dân tương đương cho mục từ với cách dùng tương ứng. Nghĩa biến thể tương đương được thể hiện gọn trong từ chung. Loại định nghĩa này do vậy thường thấy ở danh từ, với số lượng các đơn vị không chiếm đa số.

Ví dụ:

- **mè** *(T.; N.) d.* Vừng. *Mè đen.* "*Tôi chấm nắm cơm vào muối mè.*" (Phan Tứ, MVTôi). "*Đặt mình gà gáy te te, Ba hột cơm nguội với mè cũng xong.*" (VNTĩnh).

- **thơm** *(N.) d.* Dứa. *Trái thơm ở đây rất bự.* "*Vùng này được bà con đặt cho cái tên "vườn thơm"*." (ĐNNNăm).

*Mô hình tiếp theo* là dùng một định nghĩa diễn giải để giải nghĩa như cách xây dựng định nghĩa trong các từ điển giải thích. Cách làm này phù hợp với từ chỉ có ở phương ngữ.

Ví dụ:

- **nhút** *(NAn) d.* Món ăn làm bằng xơ mít trộn với một vài thứ gia vị khác, phổ biến ở Thanh Chương, Nghệ An. "*Nhút Thanh Chương cũng ngọt, Kể chẳng mấy đồng tiền.*" (HGNTĩnh). "*Anh nên kiếm lấy một người, Cho xinh cho đẹp miệng cười hoa thơm, Để về xay lúa vần cơm,..., Để về vằm nhút làm tương muối cà.*" (CDNTĩnh).

- **chẻo** *(T.) d.* Loại nước chấm làm từ mắm tôm chưng pha lẫn riềng giã nhỏ, vừng, thính, đường và bỗng rượu, có các vị chua cay mặn ngọt. "*Ăn ngon cứ như ở quê ngồi đầu bờ ruộng thái lát chấm với chẻo.*" (CTLê, TPMới, 24).

*Một mô hình nữa* thường được dùng với các từ có nét nghĩa sử dụng riêng của từng vùng. Mô hình này thường được xử lí bằng cách nêu các nét nghĩa ngay trong lời định nghĩa, hoặc chú trong ngoặc đơn, sau đó có thể đưa từ tương đương cơ bản. Cách định nghĩa này về cơ bản là cách mở rộng khuôn khổ định nghĩa của mô hình đầu nói trên, chủ yếu sử dụng cho từ có nét nghĩa khác biệt ít nhiều so với từ toàn dân tương đương.

Nói chung, lời định nghĩa ở tất cả các mô hình giải nghĩa từ ngữ được giới hạn trong một câu, trừ trường hợp các từ đa nghĩa. Những thông tin mở rộng để làm rõ cho định nghĩa (nếu có) sẽ được đưa vào các thành phần mở rộng trong đó có cả cách đưa vào ngoặc đơn.

Cách định nghĩa theo lối *chuyển chú* được sử dụng giống như ta vẫn gặp ở các cuốn từ điển ngữ văn khác. Có những trường hợp chuyển chú sau:

a) Chú từ đồng nghĩa, thường sử dụng cho các từ đồng nghĩa, gần nghĩa, đặt sau chữ viết tắt cn. (nghĩa là "cũng nói").

Ví dụ: **chặm**$_2$ *(T.; N.) đg.* cn. ***chậm***. Thấm. *Chặm nước mắt. "Gặp mặt em nước mắt nhỏ sa, Anh lấy vạt áo đà anh chặm."* (DCBTThiên).

b) Các trường hợp đồng nghĩa gần như hoàn toàn, hoặc từ biến âm, thường được chuyển chú về đơn vị từ ngữ được coi là biến thể thường gặp hơn, thường dùng cách chuyển x. (xem).

Ví dụ: **chắt lót** *(T.; N.) t.* x. ***chắt mót***. *"Con gái mới lớn lên đã khéo chắt lót, căn cơ."* (QNgoại, 10).

Lối chuyển chú cv. (cũng viết), Nh. (như) được dùng trong số ít trường hợp thấy cần thiết. Đó là các biến thể về chính tả (cũng viết), hoặc cách dùng tương đương (như).

Ví dụ:

- **bo siết** *(B.) đg.* cv. ***bo xiết***. Chặt chẽ, keo kiệt. *"Nhưng đến miếng ăn cái mặc thì ông bo siết quá. ấy cũng vì ông nghèo."* (Mạc Phi, RĐộng I, 310).

- **mạt rệp** *(N.) t.* Nh. ***mạt cọng***.

**3.4.** *Các ví dụ minh hoạ* nhằm xác nhận cho sự tồn tại của từ và hướng dẫn cách sử dụng từ. ở đây, chúng tôi dùng hai cách phổ biến. *Một là* trích